

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T P
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 25-4-2024

V/v: *Tranh chấp*

“Ly hôn và con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T P
TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiên U

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng S

2. Bà Nguyễn Thị Tây Ng

-Thư ký phiên tòa: Bà Mai Bích Hà V– Thư ký Tòa án nhân dân huyện T P.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 587/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10/4/2024, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu phố 14, thị trấn L H, huyện T P, Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố 13, thị trấn L H, huyện T P, Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị M tìm hiểu, tự nguyện sống chung với nhau năm 1995, do ông bà không hiểu biết pháp luật nên đến năm 2002 mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L H, huyện T P, tỉnh Bình Thuận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân chính do không tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung, mỗi lần cãi nhau bà M bỏ nhà đi không quan tâm đến chồng con. Cách đây hơn 02 năm cuộc sống vợ chồng trở nên mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nhiều lần như vậy, ông đã nghĩ đến con cái đều bỏ qua, vợ chồng cũng không thể tiếp tục sống chung do mâu thuẫn đã trầm trọng. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà M vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn tha thiết như xưa, mâu thuẫn đã trầm trọng, ly thân cũng hơn 02 năm nay, quay lại đoàn tụ cũng không hạnh phúc.

Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa ông cũng đã nhiều lần thông báo cho bà M biết, bà M cũng đã nhiều lần liên lạc với ông là đồng ý ly hôn, thống nhất ra Tòa để giải quyết ly hôn với ông, nhưng đến ngày Tòa mời thì bà M không ra. Bà M nói là không ra Tòa, do không có thời gian. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Ông và bà Phạm Thị M có 04 (bốn) con chung tên: là Nguyễn V, sinh năm 1995, giới tính: Nam; Nguyễn Qu, sinh năm 2000, giới tính: Nam; Nguyễn Thị M, sinh năm 2001, giới tính: Nữ (đều đã thành niên) và Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 27-10-2008, giới tính: Nữ. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau thì cháu Ng được ông trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ông yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Thị Thanh Ng đến khi trưởng thành, ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn bà Phạm Thị M, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà M từ chối không đến Tòa án để giải quyết nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung tên là: Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 27/10/2008, giới tính: Nữ cho

nguyên đơn Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phạm Thị M không cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Ông Nguyễn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn L có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa ông Nguyễn L với bà Phạm Thị M (nơi cư trú tại khu phố 13, thị trấn L H, huyện T P, tỉnh Bình Thuận), nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T P. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu bà Phạm Thị M đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng bà Phạm Thị M không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Phạm Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị M. Ông Nguyễn L kết hôn với bà Phạm Thị M trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L H, huyện T P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 115, ngày 04-6-2002. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của ông Nguyễn L với bà Phạm Thị M do Ủy ban nhân dân thị trấn L H, huyện T P, tỉnh Bình Thuận cấp và ông Nguyễn L giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Ông L trình bày ông và bà M trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân chính do không tin tưởng nhau, không có tiếng nói chung, bà M không có trách nhiệm với gia đình, Ông L với bà M đã ly thân hơn 02 năm, lời trình bày của ông L phù hợp với người thân bà M cũng như thông tin từ khu phố nơi ông bà sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bà M đến giải quyết nhưng bà M không chấp hành, điều này chứng tỏ bà M không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Nguyễn L và bà Phạm Thị M không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vi phạm nghiêm trọng

nghĩa vụ vợ chồng nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn L.

[3] Về con chung: Ông và bà Phạm Thị M có 04 (bốn) con chung tên: là Nguyễn V, sinh năm 1995, giới tính: Nam; Nguyễn Qu, sinh năm 2000, giới tính: Nam; Nguyễn Thị M, sinh năm 2001, giới tính: Nữ (đều đã thành niên) và Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 27-10-2008, giới tính: Nữ. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau thì cháu Ng được ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ông M yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Thị Thanh Ng đến khi trưởng thành điều này phù hợp với tình hình thực tế cuộc sống và nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Nguyễn Thị Thanh Ng cho ông Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Do ông L không có yêu cầu bà M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với bà Phạm Thị M.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Nguyễn L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn L đối với bà Phạm Thị M. Giấy chứng nhận kết hôn số 115, ngày 04-6-2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn L H, huyện T P, tỉnh Bình Thuận hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên: Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh ngày 27-10-2008, giới tính: Nữ cho ông Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi

trưởng thành. Bà Phạm Thị M không cấp dưỡng nuôi con chung do ông Nguyễn L không yêu cầu.

Ông Nguyễn L có quyền khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị M cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Bà Phạm Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Ông Nguyễn L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020264 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T P.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/4/2024), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Bình Thuận;
- VKSND T P
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiên U